

Bản án số: 466/2022/DS-PT

Ngày: 21-11-2022

*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan Anh

*Các thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Thúy

Ông Mai Tiến Dũng

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thu Hương, Thẩm tra viên

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 359/2022/TLPT-DS ngày 06/10/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 134/2022/DS-ST ngày 10/8/2022 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 408/2022/QĐ-PT ngày 17/10/2022, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà ĐTHT1, sinh năm 1976;

Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Tổ 16, phường YH2, quận CG3, thành phố Hà Nội.

*Pháp nhân đại diện theo ủy quyền:* Công ty Luật TNHH MTV SLC.  
*Người đại diện theo pháp luật:* Luật sư PHS5 – Giám đốc. Trụ sở: BT16A3-12 LVKCA44, Khu đô thị mới ML6, phường ML7, quận HĐ8, thành phố Hà Nội (Theo Giấy ủy quyền ngày 01/3/2021).

*Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:* Luật sư TVV9 và bà BTH10 (Theo Quyết định ngày 17/6/2022). *Luật sư Việt vắng mặt, bà Hằng có mặt.*

**Bị đơn:** CTBD11

Trụ sở: Số 82 (địa chỉ cũ 38) phố CL12, phường LT13, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: Tầng 17 Tòa nhà MobiFone, số 5, ngõ 82 DT15, phường DVH16, quận CG3, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông PPB17- Tổng giám đốc

*Người đại diện theo ủy quyền:* Đều xin vắng mặt.

1. Ông **TQC18**, địa chỉ: Số 165, ngõ 173, đường HHT19, phường NH20, quận BD21, thành phố Hà Nội.

2. Ông **BHT22**, địa chỉ: Số 14, hẻm 267/2/16 đường HHT19, phường LG23, quận BD21, thành phố Hà Nội.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 27/6/2022).

*Do có kháng cáo của CTBD11 là bị đơn trong vụ án.*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:**

***\* Theo đơn khởi kiện ngày 04.10.2021 của bà ĐTHT1 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án do bà BTH10 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Bà ĐTHT1 nguyên là kỹ sư thiết kế thuộc Chi nhánh miền Bắc của CTBD11 (sau đây gọi tắt là Công ty). Năm 2008 khi Công ty gặp khó khăn cần huy động vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh, bà đã cho Công ty vay vốn bằng khoản tiền lương mà Công ty nợ.

Ngày 26.3.2008, bà ĐTHT1 và Công ty ký Hợp đồng vay vốn số 131/2008/PTICC-HĐVV, số tiền vay là 80.840.056 đồng, mục đích vay là phục vụ sản xuất kinh doanh theo phương án huy động vốn năm 2008, thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày 27.3.2008. Lãi suất áp dụng cho khoản vay từ ngày 27.3.2008 đến ngày 26.3.2009 là 8,5%/năm. Lãi suất áp dụng cho khoản vay từ ngày 27.3.2009 sẽ áp dụng theo lãi suất trái phiếu Chính phủ (do Ngân hàng Phát triển Nhà nước Việt Nam phát hành loại thời hạn 5 năm) kỳ gần nhất liền trước ngày 27.3.2009. Việc thay đổi lãi suất sẽ được Công ty thông báo bằng văn bản qua đường thư, fax hoặc gửi trực tiếp đến Bên Cho vay. Trường hợp Công ty không có thông báo thì lãi suất áp dụng trong thời kỳ trả nợ tiếp theo được coi là không điều chỉnh và bằng lãi suất của kỳ hạn liền trước.

Tiền gốc, lãi được thanh toán làm 02 đợt:

- Đợt 1: Ngày 27.3.2009 thanh toán 50% nợ gốc + lãi
- Đợt 2: Ngày 27.3.2010 thanh toán hết nợ gốc + lãi

Năm 2012, hai bên ký Phụ lục 01 – Hợp đồng vay vốn Cán bộ công nhân viên để xác nhận lại số tiền vay giảm xuống vì giảm doanh thu quyết toán công ty trong giai đoạn 2008-2010 do các cơ quan thanh tra kiểm tra xác định lại quỹ tiền lương, số tiền lương công ty phải trả cho người lao động từ 2004 – 2007 và trừ thuế thu nhập cá nhân, các quỹ người lao động phải nộp năm 2008. Phụ lục xác định số tiền gốc vay là 48.660.958 đồng, lãi phải trả đến ngày 31.12.2011 là 12.238.633 đồng, dự kiến Công ty trả hết nợ gốc và lãi cho bà Thẩm vào ngày 31.12.2014.

Công ty đã trả bà ĐTHT1 37.175.494 đồng nợ gốc, cụ thể:

- Ngày 31.12.2008: Công ty trả 5.134.000 đồng

- Ngày 31.12.2009: Công ty trả 8.303.000 đồng
- Ngày 31.12.2010: Công ty trả 9.159.000 đồng
- Ngày 10.10.2012: Công ty trả 3.000.000 đồng
- Ngày 24.10.2012: Công ty trả 2.213.000 đồng
- Ngày 31.12.2014: Công ty trả 2.085.000 đồng
- Ngày 06.5.2015: Công ty trả 1.877.000 đồng
- Ngày 02.10.2015: Công ty trả 2.533.494 đồng
- Ngày 30.12.2015: Công ty trả 2.871.000 đồng

Công ty còn nợ gốc số tiền là: 11.485.464 đồng

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng vay vốn và Phụ lục 01, Công ty không thanh toán đúng thỏa thuận qua việc chỉ trả một phần gốc và trả không đúng hạn, không trả lãi vay.

Ngày 20.10.2019, Công ty gửi công văn (không số) yêu cầu bà ĐTHT1 mang Hợp đồng vay vốn và Phụ lục 01 của Hợp đồng đến đối chiếu, ký xác nhận vào bảng số liệu nợ gốc tính đến ngày 30.8.2019 do Công ty lập. Công ty sẽ tra soát, hoàn thiện hồ sơ đến trước 16h ngày 12.12.2019 và thanh toán sau 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh lý hợp đồng, tuy nhiên sau đó Công ty không thanh toán.

Nay bà ĐTHT1 khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

Buộc CTBD11 phải thanh toán cho bà ĐTHT1 nợ gốc là 11.485.464 đồng, nợ lãi từ ngày 27.3.2008 đến ngày 31.12.2011 (đã được xác nhận tại Phụ lục 01 năm 2012) là 12.238.633 đồng, nợ lãi từ ngày 01.01.2012 đến ngày xét xử sơ thẩm 10.8.2022 với mức lãi suất 8,5%/năm là 13.564.370 đồng. Tổng cộng là 37.288.467 đồng.

Ngoài ra nguyên đơn không còn yêu cầu gì khác.

***\* Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn không có văn bản nêu quan điểm về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không nộp tài liệu chứng cứ ngoài việc gửi Giấy ủy quyền số 76/UQ-PTICO ngày 27.6.2022.***

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số 134/2022/DS-ST ngày 10/8/2022 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội đã quyết định:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà ĐTHT1 đối với CTBD11 (PTICO).
2. Buộc CTBD11 (PTICO) phải thanh toán cho bà ĐTHT1 nợ gốc là 11.485.464 đồng, nợ lãi từ ngày 27.3.2008 đến ngày xét xử sơ thẩm là 25.803.003 đồng. Tổng cộng là 37.288.467 đồng (Ba mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi tám nghìn, bốn trăm sáu mươi bảy đồng)

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, CTBD11 là bị đơn trong vụ án kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm đình chỉ giải quyết vụ án hoặc bác yêu cầu của nguyên đơn.

### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị: Tuyên hủy các hợp đồng vay vốn vì đây là hợp đồng vô hiệu do giả tạo, trường hợp các cá nhân này đòi nợ lương sản phẩm như đã khai tại phiên tòa thì yêu cầu cung cấp chứng cứ chứng minh CTBD11 nợ lương sản phẩm đối với họ; Tuyên hủy bản án sơ thẩm hoặc bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các đương sự không xuất trình chứng cứ mới và không thỏa thuận được cách giải quyết vụ án.

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ kiện, đại diện VKS nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 134/2022/DS-ST ngày 10/8/2022 của Tòa án nhân dân quận ĐĐ14, thành phố Hà Nội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:** Bị đơn CTBD11 nộp đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm trong thời hạn luật định nên về mặt hình thức là hợp lệ.

Tại phiên tòa, có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

**[2] Về nội dung:** Xét nội dung kháng cáo của CTBD11 cho rằng Hợp đồng vay vốn giữa Công ty và bà ĐHT1 là hợp đồng khống, không có tiền chuyển của bà Thẩm vào quỹ của công ty; công ty là công ty của nhà nước không có quyền ký hợp đồng vay vốn và trả lãi.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

*2.1 Giao dịch dân sự được các bên xác lập, cụ thể như sau:*

Ngày 26.3.2008, bà ĐHT1 và CTBD11 ký Hợp đồng vay vốn số 131/2008/PTICC-HĐVV ngày 26.3.2008 số tiền vay 80.840.056 đồng, mục đích vay là phục vụ sản xuất kinh doanh theo phương án huy động vốn năm 2008, biện pháp bảo đảm là tín chấp, thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày 27.3.2008. Lãi suất áp dụng cho khoản vay từ ngày 27.3.2008 đến ngày 26.3.2009 là 8,5%. Lãi suất áp dụng cho khoản vay từ ngày 27.3.2009 sẽ áp dụng theo lãi suất trái phiếu Chính Phủ (do Ngân hàng Phát triển Nhà nước Việt Nam phát hành loại thời hạn 5 năm)

kỳ gần nhất liền trước ngày 27.3.2009. Việc thay đổi lãi suất sẽ được Công ty thông báo bằng văn bản qua đường thư, fax hoặc gửi trực tiếp đến Bên Cho vay. Trường hợp Công ty không có thông báo thì lãi suất áp dụng trong thời kỳ trả nợ tiếp theo được coi là không điều chỉnh và bằng lãi suất của kỳ hạn liền trước.

Tiền gốc, lãi được thanh toán làm 02 đợt:

- Đợt 1: Ngày 27.3.2009 thanh toán 50% nợ gốc + lãi
- Đợt 2: Ngày 27.3.2010 thanh toán hết nợ gốc + lãi

Năm 2012, hai bên ký Phụ lục 01 – Hợp đồng vay vốn cán bộ công nhân viên năm 2012 xác định số tiền bà ĐHTH1 đã cho Công ty vay là 48.660.958 đồng, xác định lãi phải trả đến ngày 31.12.2011, Công ty dự kiến trả hết nợ gốc và lãi vào ngày 31.12.2014.

Cả hợp đồng và phụ lục hợp đồng mà bà Thẩm xuất trình đều có chữ ký đóng dấu của ông Hoàng Ứng Huyền lúc đó là giám đốc công ty căn cứ vào Luật doanh nghiệp; Quyết định của Hội đồng quản trị công ty số 448/QĐ- PTICC-HĐQT ngày 21/3/2008 về việc vay vốn cá nhân phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh thì việc vay vốn giữa công ty và bà Thẩm là hoàn toàn phù hợp với pháp luật.

Sau khi các bên ký kết thỏa thuận các bên đã giao nhận tiền và thực hiện một số thỏa thuận:

Tại Phụ lục 01 Hợp đồng vay vốn cán bộ công nhân viên năm 2012 và Công văn (không số) ngày 20.10.2019 Công ty xác nhận đã trả cho nguyên đơn 37.175.494 đồng, cụ thể:

- Ngày 31.12.008: Công ty trả 5.134.000 đồng
- Ngày 31.12.2009: Công ty trả 8.303.000 đồng
- Ngày 31.12.2010: Công ty trả 9.159.000 đồng
- Ngày 10.10.2012: Công ty trả 3.000.000 đồng
- Ngày 24.10.2012: Công ty trả 2.213.000 đồng
- Ngày 31.12.2014: Công ty trả 2.085.000 đồng
- Ngày 06.5.2015: Công ty trả 1.877.000 đồng
- Ngày 02.10.2015: Công ty trả 2.533.494 đồng
- Ngày 30.12.2015: Công ty trả 2.871.000 đồng

Số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 11.485.464 đồng. Quá trình vay vốn, Công ty chưa thanh toán lãi cho bà ĐHTH1.

Bà ĐHTH1 xác nhận Công ty đã thanh toán 37.175.494 đồng nợ gốc, còn 11.485.464 đồng nợ gốc chưa thanh toán như các văn bản trên là đúng.

Như vậy, đại diện Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Bưu điện cho rằng Hợp đồng vay vốn giữa công ty và bà ĐHTH1 là hợp đồng khống, không có tiền chuyển của bà Thẩm vào quỹ của công ty; công ty là công ty của nhà nước không có quyền ký hợp đồng vay vốn và trả lãi công ty và các các nguyên đơn có dấu hiệu vi phạm pháp luật là không có cơ sở.

2.2. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty phải thanh toán nợ gốc là 11.485.464 đồng:

Theo Hợp đồng vay vốn số 131/2008/PTICC-HĐVV ngày 26.3.2008 ký giữa hai bên, Phụ lục 01 Hợp đồng vay vốn cán bộ công nhân viên năm 2012 và Công văn (không số) ngày 20.10.2019 Công ty gửi bà ĐHTH1 xác nhận số nợ gốc đã thanh toán và số nợ gốc chưa thanh toán cho bà ĐHTH1 tại Bảng số liệu gốc vay theo hợp đồng vay vốn tính đến ngày 30.8.2019. Xét thấy Hợp đồng vay vốn và Phụ lục 01 được ký kết giữa Công ty với bà ĐHTH1 là hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên xác định là hợp pháp và có hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia. Do Công ty vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ khoản 2 Điều 155, Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015, chấp nhận yêu cầu đòi nợ gốc của bà ĐHTH1, buộc Công ty thanh toán 11.485.464 đồng nợ gốc cho bà ĐHTH1.

2.3. Đối với yêu cầu tính lãi của số tiền cho vay: Như đã phân tích ở trên Công ty phải có trách nhiệm trả lãi theo Hợp đồng vay vốn và Phụ lục 01 đã ký. Lãi vay từ ngày 27.3.2008 đến ngày 31.12.2011 đã được các bên thống nhất tại Phụ lục 01 là 12.238.633 đồng. Lãi vay từ ngày 01.01.2012 đến ngày xét xử tính theo mức lãi suất 8,5%/năm đối với số tiền nợ gốc chưa trả là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Buộc Công ty thanh toán nợ lãi cho bà ĐHTH1 là 13.564.370 đồng, cụ thể:

- Từ ngày 01.01.2012 đến ngày 09.10.2012 là:  $26.064.958 \text{ đồng} \times 0,0002329\%/\text{ngày} \times 283 \text{ ngày} = 1.717.788 \text{ đồng}$ .

- Từ ngày 10.10.2012 đến ngày 23.10.2012 là:  $23.064.958 \text{ đồng} \times 0,0002329\%/\text{ngày} \times 14 \text{ ngày} = 75.198 \text{ đồng}$ .

- Từ ngày 24.10.2012 đến ngày 30.12.2014 là:  $20.851.958 \text{ đồng} \times 0,0002329\%/\text{ngày} \times 798 \text{ ngày} = 3.875.036 \text{ đồng}$ .

- Từ ngày 31.12.2014 đến ngày 05.5.2015 là:  $18.766.958 \text{ đồng} \times 0,0002329\%/\text{ngày} \times 126 \text{ ngày} = 550.669 \text{ đồng}$ .

- Từ ngày 06.5.2015 đến ngày 01.10.2015 là:  $16.889.958 \text{ đồng} \times 0,0002329\%/\text{ngày} \times 149 \text{ ngày} = 586.058 \text{ đồng}$ .

- Từ ngày 02.10.2015 đến ngày 29.12.2015 là:  $14.356.464 \text{ đồng} \times 0,0002329\%/\text{ngày} \times 89 \text{ ngày} = 297.552 \text{ đồng}$ .

- Từ ngày 30.12.2015 đến ngày 19.7.2022 là:  $11.485.464 \text{ đồng} \times 0,0002329\%/\text{ngày} \times 2416 \text{ ngày} = 6.462.068 \text{ đồng}$ .

Tổng số tiền lãi Công ty phải thanh toán cho bà ĐHTH1 tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 10.8.2022 là 25.803.003 đồng.

Với những căn cứ trên, việc cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà ĐHTH1 là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của CTBD11, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận ĐD14, thành phố Hà Nội.

### **[3] Về án phí:**

Bà ĐHT1 không phải chịu án phí sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

CTBD11 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Quan điểm vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lý trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Điều 38, Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 155, Điều 157, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 31.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

1. Không chấp nhận kháng cáo của CTBD11.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 107/2022/DS-ST ngày 13/7/2022 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà ĐHT1 đối với CTBD11.

2.2. Buộc CTBD11 phải thanh toán cho bà ĐHT1 nợ gốc là 11.485.464 đồng, nợ lãi từ ngày 27.3.2008 đến ngày xét xử sơ thẩm là 25.803.003 đồng. Tổng cộng là 37.288.467 đồng (Ba mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi tám nghìn, bốn trăm sáu mươi bảy đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu người bị thi hành án chưa thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì người bị thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án xong.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **3. Về án phí:**

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Hoàn trả bà ĐHT1 số tiền 1.449.000 đồng (Một triệu, bốn trăm bốn

mười chín nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0069692 ngày 21/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận ĐĐ14, thành phố Hà Nội.

- CTBD11 phải chịu 1.864.423 đồng (Một triệu, tám trăm sáu mươi tư nghìn, bốn trăm hai mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

### 3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

CTBD11 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0070687 ngày 30/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận ĐĐ14, thành phố Hà Nội.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND quận ĐĐ14;
- Chi cục THADS quận ĐĐ14;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Lan Anh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

